

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024 - 2025

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

- Tiếng Việt: Trường Đại học Văn Hiến
- Tiếng Anh: Van Hien University

2. Địa chỉ trụ sở chính: 665-667-669 Điện Biên Phủ, Phường 1, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Tư thục. Trường Đại học Văn Hiến có 2 nhà đầu tư: Ông Trần Văn Hậu góp vốn chiếm tỷ lệ 32,4% và Công ty cổ phần Giáo dục Hùng Hậu góp vốn chiếm tỷ lệ 67,6% .

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

Sứ mạng:

Trường Đại học Văn Hiến là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng, với ngành nghề đào tạo đa dạng. Nhà trường luôn đổi mới chương trình đào tạo theo hướng hội nhập quốc tế, chú trọng bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá Việt Nam và linh hoạt theo yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Tầm nhìn:

Đến năm 2030, Trường Đại học Văn Hiến trở thành một trong những cơ sở giáo dục đại học theo định hướng ứng dụng - nghề nghiệp có uy tín cao ở Việt Nam, hội nhập khu vực và tiếp cận chuẩn quốc tế.

Mục tiêu:

Trường Đại học Văn Hiến xác định mục tiêu đào tạo định hướng ứng dụng, đa dạng ngành nghề đào tạo, linh hoạt theo yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế, gắn đào tạo với sử dụng, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp và sinh hóa bao gồm các lĩnh vực: Kỹ thuật - Công nghệ; Nông nghiệp; Kinh tế; Du lịch; Khoa học Xã hội - Nhân văn; Ngôn ngữ - Văn hóa nước ngoài; Sức khỏe; Nghệ thuật. Phấn đấu đến năm 2030, Trường Đại học Văn Hiến nằm trong top 5 nhóm cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng của Việt Nam.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường Đại học Văn Hiến được thành lập theo Quyết định số 517/TTg ngày 11/7/1997 của Thủ tướng Chính phủ và chính thức hoạt động vào tháng 11/1999 theo Quyết định số 4833/QĐ - BGD&ĐT ngày 08/11/1999. Cuối năm 2012, Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu trở thành Nhà đầu tư chiến lược toàn diện duy nhất của Trường Đại học Văn Hiến. Ngày 28/01/2016, theo Quyết định số 58/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ, Trường Đại học Văn Hiến được chuyển đổi loại hình hoạt động sang tư thục, đây là sự kiện quan trọng, là bước ngoặt để Nhà trường xây dựng và thay đổi mô hình

quản trị, tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học phù hợp với định hướng phát triển.

Thông qua quan hệ hợp tác uy tín của Trường, người học được bảo đảm thực hành, thực tập tại các doanh nghiệp, các tổ chức có uy tín tại TP. HCM và khu vực phía Nam. Đặc biệt, được các doanh nghiệp thuộc Hiệp hội Doanh nghiệp TP. HCM, Hiệp hội Doanh nghiệp một số tỉnh, thành phía Nam, Nam Tây Nguyên, các doanh nghiệp thuộc các đơn vị thành viên, đơn vị liên kết của Công ty Cổ phần Phát triển Hùng Hậu hỗ trợ thực tập, tài trợ học bổng, ưu tiên tuyển dụng.

Trường Đại học Văn Hiến đã đào tạo khoảng hơn 21.381 người học tốt nghiệp. Hơn 92% người học sau khi tốt nghiệp đều có việc làm ổn định, nhiều cựu người học đang giữ trọng trách tại các cơ quan, công ty, doanh nghiệp và tổ chức khác nhau hoặc tự lập nghiệp thành công.

Tính đến nay, Trường có 02 ngành đào tạo tiến sĩ (Quản trị kinh doanh, Văn học Việt Nam); 07 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ (Quản trị kinh doanh, Văn học Việt Nam, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Tâm lý học, Đông phương học, Tài chính - Ngân hàng, Quản trị khách sạn) và 43 ngành đào tạo trình độ đại học thuộc các lĩnh vực kinh tế, du lịch, công nghệ, xã hội, ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài, nông nghiệp, sức khỏe,...

Về khen thưởng, ngày 21/10/2022 Trường được Chủ tịch Nước ký quyết định số 1197/QĐ-CTN về việc tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba, đã có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực cho Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành khu vực phía Nam từ năm học 2017-2018 đến năm 2021-2022, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

- Họ và tên: Nguyễn Minh Đức
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: 665-667-669 Điện Biên Phủ, P.1, Q.3, TP. HCM
- Số điện thoại: 0961603333
- Địa chỉ thư điện tử: ducnm@vhu.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy:

a. Trường Đại học Văn Hiến được thành lập theo Quyết định số 517/TTg ngày 11/7/1997 của Thủ tướng Chính phủ và chính thức hoạt động vào tháng 11/1999 theo Quyết định số 4833/QĐ - BGD&ĐT ngày 08/11/1999.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Hội đồng trường Trường Đại học Văn Hiến (nhiệm kỳ 2025 - 2030) được thành lập theo Quyết định số 1338/2025/QĐ-VHU ngày 06/6/2025 của Hội đồng trường; Nghị quyết số 01/MYH25/VHU/NQ-HNNĐT ngày 06/06/2025 của Hội nghị Nhà đầu tư Trường Đại học Văn Hiến, gồm đại diện Nhà đầu tư, các thành viên trong và ngoài trường đại học do hội nghị Nhà đầu tư bầu.

- Số lượng: 11 thành viên.

- Cơ cấu tổ chức Hội đồng Trường gồm: 01 Chủ tịch Hội đồng Trường, 03 Phó Chủ tịch Hội đồng Trường và 14 thành viên Hội đồng Trường. Nhiệm vụ của mỗi thành viên được quy định trong Quy chế tổ chức Trường Đại học Văn Hiến.

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

STT	Quyết định	Số	Ngày
1	Bổ nhiệm Phó Chủ tịch Điều hành Trường Đại học Văn Hiến đối với bà Phạm Thị Minh Nguyệt	70/MYH24/VHU/QĐ-HĐT	18/09/2024
2	Bổ nhiệm lại Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến đối với ông Nguyễn Minh Đức	71/MYH24/VHU/QĐ-HĐT	18/09/2024
3	Bổ nhiệm Giám đốc Điều hành Thường trực Trường Đại học Văn Hiến đối với bà Trần Thị Phương Thảo	60/MYH24/VHU/QĐ-HĐT	05/08/2024
4	Bổ nhiệm Giám đốc Điều hành Trường Đại học Văn Hiến đối với bà Phù Thị Thùy Trang	19/MYH25/VHU/QĐ-HĐT	09/05/2025
5	Bổ nhiệm Giám đốc Điều hành Trường Đại học Văn Hiến đối với ông Lê Sĩ Hải	16/MYH25/VHU/QĐ-HĐT	12/04/2025
6	Bổ nhiệm Giám đốc Điều hành Trường Đại học Văn Hiến đối với ông Vũ Thanh Long	17/MYH25/VHU/QĐ-HĐT	12/04/2025
7	Bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Thường trực Trường Đại học Văn Hiến đối với ông Trần Huy Hoàng	61/MYH24/VHU/QĐ-HĐT	05/08/2024
8	Bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Văn Hiến đối với bà Nguyễn Thị Thu Trang	72/MYH24/VHU/QĐ-HĐT	18/09/2024
9	Bổ nhiệm lại Giám đốc Điều hành Trường Đại học Văn Hiến đối với ông Nguyễn Đỗ Tùng	74/MYH24/VHU/QĐ-HĐT	18/09/2024
10	Bổ nhiệm Giám đốc Điều hành Trường Đại học Văn Hiến đối với bà Nguyễn Thị Thanh Hà	01/MYH25/VHU/QĐ-HĐT	26/10/2024
11	Bổ nhiệm lại Giám đốc Điều hành Trường Đại học Văn Hiến đối với bà Nguyễn Thị Diễm Tuyết	75/MYH24/VHU/QĐ-HĐT	18/09/2024
12	Bổ nhiệm Giám đốc Điều hành Trường Đại học Văn Hiến đối với bà Lê Thị Thùy Phương	63/MYH24/VHU/QĐ-HĐT	05/08/2024
13	Bổ nhiệm Giám đốc Điều hành Trường Đại học Văn Hiến đối với bà Cao Trịnh Thị Thúy Vy	18/MYH25/VHU/QĐ-HĐT	12/04/2025

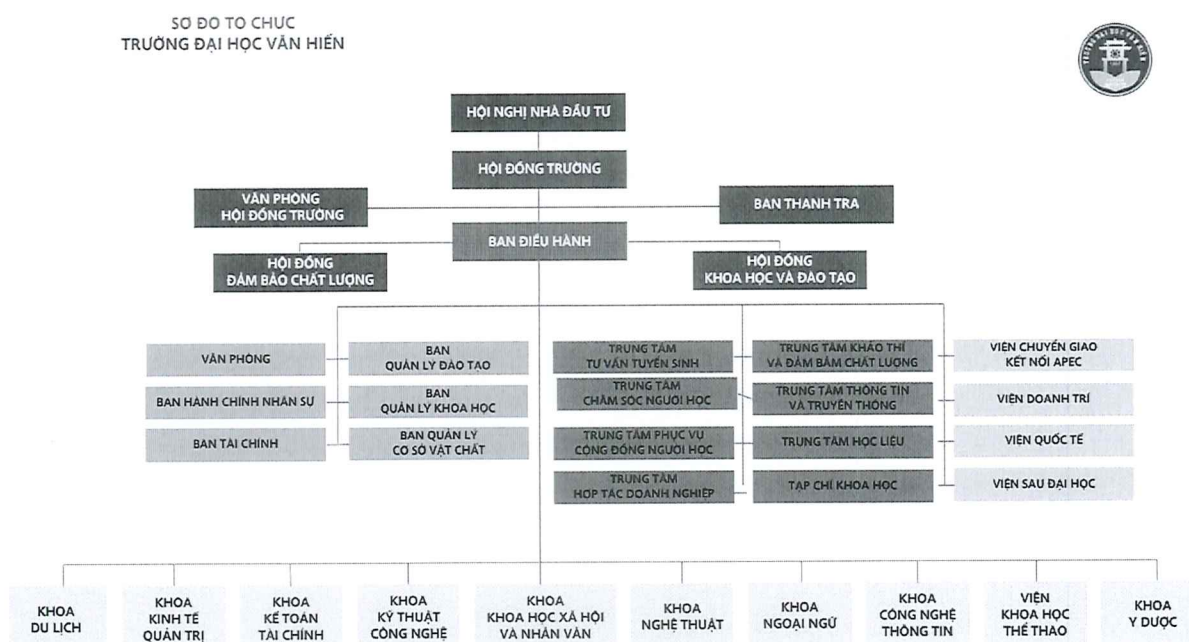
d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

của cơ sở giáo dục và của các đơn vị trực thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

* Chức năng, nhiệm vụ:

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Trường.
- Triển khai hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.
- Phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo.
- Tổ chức bộ máy, tuyển dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và người lao động.
- Quản lý người học, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của giảng viên, nhân viên, cán bộ quản lý và người học, bảo đảm môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục.
- Tự đánh giá chất lượng đào tạo và chịu sự kiểm định chất lượng giáo dục.
- Được Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất, được miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật.
- Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực, xây dựng và tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị.
- Hợp tác với các tổ chức kinh tế, giáo dục, văn hóa, thể dục, thể thao, y tế, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài.
- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

* Sơ đồ tổ chức:



đ. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc,

thành viên (nếu có);

- Quyết định số 23/MYH24/VHU/QĐ-HĐT ngày 08/01/2024 về việc Thành lập Trung tâm Hỗ trợ giảng dạy.

- Quyết định số 24/MYH24/VHU/QĐ-HĐT ngày 08/01/2024 về việc Thành lập Trung tâm Tham vấn tâm lý.

- Quyết định số 43/MYH24/VHU/QĐ-HĐT ngày 03/01/2024 về việc Thành lập Văn phòng

e. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của cơ sở giáo dục (các phòng, ban, khoa, trung tâm chỉ ghi cấp trưởng)

TT	Bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
I	Ban lãnh đạo nhà trường					
1	Ban Điều hành	Phạm Thị Minh Nguyệt	1983	Thạc sĩ Phó Chủ tịch Hội đồng trường Phó Chủ tịch Điều hành	0333703333	nguyetptm@vhu.edu.vn
2	Ban Điều hành	Nguyễn Minh Đức	1972	PGS.TS Hiệu trưởng	0909136499	ducnm@vhu.edu.vn
3	Ban Điều hành	Trần Thị Phương Thảo	1984	Thạc sĩ Giám đốc Điều hành Thường trực	0977703333	thaottp@vhu.edu.vn
4	Ban Điều hành	Phù Thị Thùy Trang	1985	Thạc sĩ Giám đốc Điều hành	0775703333	trangptt@hunghau.vn
5	Ban Điều hành	Lê Sĩ Hải	1978	Tiến sĩ Giám đốc Điều hành	0775103333	hails@vhu.edu.vn
6	Ban Điều hành	Vũ Thanh Long	1980	Tiến sĩ Giám đốc Điều hành	0918422260	longvt@vhu.edu.vn
7	Ban Điều hành	Trần Huy Hoàng	1960	Phó Giáo sư - Tiến sĩ Phó Hiệu trưởng Thường trực	0799103333	hoangth@vhu.edu.vn
8	Ban Điều hành	Nguyễn Thị Thu Trang	1964	PGS.TS Phó Hiệu trưởng	0798943333	trangntt2@vhu.edu.vn
9	Ban Điều hành	Nguyễn Đỗ Tùng	1984	Thạc sĩ Giám đốc Điều hành	0796803333	tungnd@vhu.edu.vn
10	Ban Điều hành	Nguyễn Thị	1974	Thạc sĩ Giám đốc Điều hành	0988667400	hantt@vhu.edu.vn

TT	Bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
		Thanh Hà				
11	Ban Điều hành	Nguyễn Thị Diễm Tuyết	1970	Thạc sĩ Giám đốc Điều hành	0799603333	tuyetntd@vhu.edu.vn
12	Ban Điều hành	Lê Thị Thùy Phương	1980	Thạc sĩ Giám đốc Điều hành	0775103333	phuonglgtt@vhu.edu.vn
13	Ban Điều hành	Cao Trịnh Thị Thúy Vy	1991	Cử nhân Giám đốc Điều hành	0978823333	vycttt@vhu.edu.vn
II Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội						
1	Đảng ủy	Trần Minh Hậu	1976	Thạc sĩ Bí thư Đảng ủy	0971103333	hautm@vhu.edu.vn
2	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	Lại Võ Đăng Khoa	1997	Cử nhân Bí thư Đoàn trường	0981829092	khoalvd@vhu.edu.vn
3	Công Đoàn	Trần Minh Hậu	1976	Thạc sĩ Chủ tịch Công đoàn	0971103333	hautm@vhu.edu.vn
III Các phòng, ban						
1	Ban Tài chính	Nguyễn Thanh Hà	1979	Thạc sĩ Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng	0971503333	hant@vhu.edu.vn
2	Ban Hành chính Nhân sự	Lê Hải Lâm	1983	Cử nhân Giám đốc	0918606190	lamlh@vhu.edu.vn
3	Ban Quản lý Đào tạo	Lưu Thị Lan Phương	1996	Thạc sĩ Giám đốc	0963678433	phuonglgtl@vhu.edu.vn
4	Ban Quản lý Cơ sở vật chất	Trần Văn Thắng	1980	Cử nhân Giám đốc	0906810778	thangtv@vhu.edu.vn
5	Ban Quản lý Khoa học	Hà Minh Châu	1965	Tiến sĩ Giám đốc	0903019986	chauhm@vhu.edu.vn

TT	Bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
6	Viện Quốc tế	Nguyễn Thị Mai Linh	1974	Tiến sĩ Viện trưởng	0913124542	linhntm@vhu.edu.vn
7	Viện Sau đại học	Trần Văn Thiện	1952	PGS. TS Viện trưởng	0981403333	thientv@vhu.edu.vn
8	Viện Khoa học Thể thao	Lâm Trung Hiếu	1983	Thạc sĩ Viện trưởng	0968380333	hieult@vhu.edu.vn
9	Viện chuyên giao kết nối APEC	Lê Hồng Danh	1986	Thạc sĩ Phó Viện trưởng Thường trực	0986113131	danhhlh@vhu.edu.vn
10	Viện Doanh trí	Đinh Công Viễn Phương	1982	Thạc sĩ Viện trưởng	0977990333	phuongdvcv@vhu.edu.vn
11	Trung tâm Hợp tác doanh nghiệp	Lại Võ Đăng Khoa	1997	Cử nhân Giám đốc	0981829092	khoalvd@vhu.edu.vn
12	Trung tâm Học liệu	Nguyễn Thị Hóa	1979	Thạc sĩ Phó Giám đốc	0933239041	hoant@vhu.edu.vn
13	Trung tâm Ngoại ngữ	Trịnh Thủy Ngân	1998	Thạc sĩ Giám đốc	0344841293	ngantt@vhu.edu.vn
14	Trung tâm Tin học	Nguyễn Thiện Nhơn	1990	Cử nhân Giám đốc	0932160190	nhonnt@vhu.edu.vn
15	Tạp chí khoa học	Nguyễn Thị Thu Trang	1964	PGS.TS Tổng Biên tập	0798943333	trangntt2@vhu.edu.vn
16	Trung tâm Tư vấn tuyển sinh	Nguyễn Hoàng Quân	1989	Cử nhân Giám đốc	0964390333	quannh@vhu.edu.vn
17	Trung tâm Chăm sóc người học	Phạm Nguyễn Bạch Huệ	1993	Cử nhân Giám đốc	0902580745	huepnb@vhu.edu.vn
19	Trung tâm Phục vụ Cộng	Trần Mạnh Thái	1981	Cử nhân Giám đốc	0797776133	thaitm@vhu.edu.vn

TT	Bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	đồng Người học					
20	Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Võ Thị Trà My	1985	Thạc sĩ Giám đốc	0905260357	myvtt@vhu.edu.vn
21	Trung tâm Thông tin và truyền thông	Nguyễn A Say	1988	Thạc sĩ Giám đốc	0789593962	sayna@vhu.edu.vn
22	Khoa Du lịch	Lê Anh Tuấn	1982	Thạc sĩ Trưởng khoa	0976973333	tuanla@vhu.edu.vn
23	Khoa Kinh tế - Quản trị	Vũ Thanh Long	1980	Tiến sĩ Trưởng khoa	0918422260	longvt@vhu.edu.vn
24	Khoa Kế toán - Tài chính	Tô Thị Kim Hồng	1977	Tiến sĩ Trưởng khoa	099977258	hongttk@vhu.edu.vn
25	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Đinh Thị Thủy	1968	Tiến sĩ Trưởng khoa	0989827798	thuydt2@vhu.edu.vn
26	Khoa Công nghệ thông tin	Nguyễn Thanh Phong	1984	Thạc sĩ Phó Trưởng khoa Thường trực	0988613333	phongnt@vhu.edu.vn
27	Khoa Nghệ thuật	Huỳnh Hoàng Cư	1974	Thạc sĩ Trưởng khoa	0914489606	cuhh@vhu.edu.vn
28	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn	Huỳnh Thị Mai Trinh	1981	Tiến sĩ Trưởng khoa	0918807812	trinhhtm@vhu.edu.vn
29	Khoa Ngoại ngữ	Lê Sĩ Hải	1978	Tiến sĩ Trưởng khoa	0775103333	hails@vhu.edu.vn
30	Khoa Y Dược	Nguyễn Phi Hùng	1976	Tiến sĩ Trưởng khoa	0962292519	hungnp@vhu.edu.vn

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

8.1. Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục:

- Quyết định số 904/2020/QĐ-ĐHVH ngày 31/12/2020 về việc ban hành kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến 2030.

8.2. Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục:

- Nghị quyết số 27/MYH24/VHU/NQ-HĐT ngày 03/06/2024 v/v ban hành Quy chế dân chủ Trường Đại học Văn Hiến.

8.3. Các nghị quyết của hội đồng trường:

- Nghị quyết số 05/MYH24/VHU/NQ-HNNĐT ngày 18/9/2024 về việc thông qua Kế hoạch mục tiêu năm tài chính 2025 Trường Đại học Văn Hiến.

8.4. Quy định về quản lý hành chính:

- Quyết định số 166/2022/VHU/QĐ ngày 09/02/2021 về việc ban hành quy định chấm công bằng phần mềm Base Checkin tại Trường Đại học Văn Hiến.

- Thông báo số 203/MYH24/VHU/TB ngày 23/9/2024 về việc lưu trữ tài liệu, sắp xếp công cụ/ thiết bị đảm bảo giữ gìn vệ sinh, mỹ quan Trường Đại học Văn Hiến.

8.5. Quy định về quản lý nhân sự:

- Quyết định số 1303/MYH24/VHU/QĐ ngày 20/6/2024 về việc ban hành Quy định nghỉ phép và quản lý phép năm (sửa đổi, bổ sung lần 02)

8.6. Quy định về quản lý tài chính:

- Nghị quyết số 17/MYH24/VHU/NQ-TTHĐT ngày 02/5/2024 về việc ban hành Quy chế Tài chính Trường Đại học Văn Hiến

8.7. Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục:

- Thông báo số 82/MYH24/VHU/TB ngày 02/5/2024 về việc triển khai chính sách khen thưởng công bố khoa học.

- Thông báo số 192/MYH25/VHU/TB ngày 05/8/2025 về việc quy định nâng cao trình độ đối với nhân sự tại Trường Đại học Văn Hiến.

8.8. Các quy định, quy chế nội bộ khác:

- Quyết định số 168/MYH25/VHU/QĐ ngày 15/11/2024 về việc ban hành Quy định hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường Đại học Văn Hiến.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	21,65	-
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	94,56%	94,6%
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	9,28%	9,37%

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	1.250	93	1.040	92	23	2
1.1	Nghệ thuật	23	-	19	2	2	-
1.1.1	Thanh nhạc	5	-	4	1	-	-
1.1.2	Piano	3	-	1	-	2	-
1.1.3	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	6	-	6	-	-	-
1.1.4	Công nghệ điện ảnh, truyền hình	9	-	8	1	-	-
1.2	Kinh doanh và quản lý	400	32	344	18	6	-
1.2.1	Quản trị kinh doanh	169	20	143	4	2	-
1.2.2	Marketing	70	4	65	1	-	-
1.2.3	Kinh doanh thương mại	4	-	-	3	1	-
1.2.4	Thương mại điện tử	40	-	36	4	-	-
1.2.5	Tài chính - Ngân hàng	51	5	44	1	1	-
1.2.6	Công nghệ tài chính	2	-	-	1	1	-
1.2.7	Kế toán	42	2	39	1	-	-
1.2.8	Kiểm toán	10	-	8	2	-	-
1.2.9	Quản trị nhân lực	12	1	9	1	1	-
1.3	Pháp luật	52	4	46	2	-	-
1.3.1	Luật	52	4	46	2	-	-
1.4	Khoa học sự sống	9	-	6	3	-	-
1.4.1	Công nghệ sinh học	9	-	6	3	-	-
1.5	Máy tính và công nghệ thông tin	95	7	82	6	-	-
1.5.1	Khoa học máy tính	17	-	15	2	-	-
1.5.2	Công nghệ thông tin	78	7	67	4	-	-
1.6	Công nghệ kỹ thuật	88	5	78	5	-	-
1.6.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	88	5	78	5	-	-
1.7	Kỹ thuật	18	3	8	4	2	1
1.7.1	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	14	2	8	1	2	1
1.7.2	Kỹ thuật môi trường	4	1	-	3	-	-

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1.8	Sản xuất và chế biến	16	-	10	5	1	-
1.8.1	Công nghệ thực phẩm	16	-	10	5	1	-
1.9	Kiến trúc và xây dựng	9	-	8	1	-	-
1.9.1	Kỹ thuật xây dựng	9	-	8	1	-	-
1.10	Sức khỏe	9	-	1	8	-	-
1.10.1	Điều dưỡng	9	-	1	8	-	-
1.11	Nhân văn	168	16	140	9	3	-
1.11.1	Ngôn ngữ Anh	60	6	52	2	-	-
1.11.2	Ngôn ngữ Pháp	3	1	-	2	-	-
1.11.3	Ngôn ngữ Trung Quốc	58	2	54	2	-	-
1.11.4	Ngôn ngữ Nhật	39	7	29	3	-	-
1.11.5	Văn học	8	-	5	-	3	-
1.12	Khoa học xã hội và hành vi	136	11	105	14	6	-
1.12.1	Kinh tế	46	2	41	3	-	-
1.12.2	Xã hội học	7	4	-	1	2	-
1.12.3	Tâm lý học	27	3	18	4	2	-
1.12.4	Đông phương học	40	2	33	3	2	-
1.12.5	Việt Nam học	2	-	-	2	-	-
1.12.6	Quan hệ quốc tế	14	-	13	1	-	-
1.13	Báo chí và thông tin	108	3	94	9	2	-
1.13.1	Truyền thông đa phương tiện	53	2	45	5	1	-
1.13.2	Quan hệ công chúng	55	1	49	4	1	-
1.14	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	119	12	99	6	1	1
1.14.1	Du lịch	25	1	21	2	1	-
1.14.2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	41	4	35	2	-	-
1.14.3	Quản trị khách sạn	53	7	43	2	-	1
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	1.182	92	1.010	73	7	0
2.1	Nghệ thuật	21	-	19	2	-	-
2.1.1	Thanh nhạc	5	-	4	1	-	-

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
2.1.2	Piano	1	-	1	-	-	-
2.1.3	Đạo diễn điện ảnh, truyền hình	6	-	6	-	-	-
2.1.4	Công nghệ điện ảnh, truyền hình	9	-	8	1	-	-
2.2	Kinh doanh và quản lý	390	32	341	15	2	-
2.2.1	Quản trị kinh doanh	165	20	142	2	1	-
2.2.2	Marketing	70	4	65	1	-	-
2.2.3	Kinh doanh thương mại	3	-	-	3	-	-
2.2.4	Thương mại điện tử	39	-	35	4	-	-
2.2.5	Tài chính - Ngân hàng	49	5	43	1	-	-
2.2.6	Công nghệ tài chính	2	-	-	1	1	-
2.2.7	Kế toán	42	2	39	1	-	-
2.2.8	Kiểm toán	9	-	8	1	-	-
2.2.9	Quản trị nhân lực	11	1	9	1	-	-
2.3	Pháp luật	52	4	46	2	-	-
2.3.1	Luật	52	4	46	2	-	-
2.4	Khoa học sự sống	8	-	6	2	-	-
2.4.1	Công nghệ sinh học	8	-	6	2	-	-
2.5	Máy tính và công nghệ thông tin	90	7	79	4	-	-
2.5.1	Khoa học máy tính	16	-	15	1	-	-
2.5.2	Công nghệ thông tin	74	7	64	3	-	-
2.6	Công nghệ kỹ thuật	87	5	77	5	-	-
2.6.1	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	87	5	77	5	-	-
2.7	Kỹ thuật	16	3	8	4	1	-
2.7.1	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	12	2	8	1	1	-
2.7.2	Kỹ thuật môi trường	4	1	-	3	-	-
2.8	Sản xuất và chế biến	14	-	10	4	-	-
2.8.1	Công nghệ thực phẩm	14	-	10	4	-	-
2.9	Kiến trúc và xây dựng	9	-	8	1	-	-
2.9.1	Kỹ thuật xây dựng	9	-	8	1	-	-

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
2.10	Sức khỏe	7	-	1	6	-	-
2.10.1	Điều dưỡng	7	-	1	6	-	-
2.11	Nhân văn	155	16	130	7	2	-
2.11.1	Ngôn ngữ Anh	55	6	48	1	-	-
2.11.2	Ngôn ngữ Pháp	3	1	-	2	-	-
2.11.3	Ngôn ngữ Trung Quốc	53	2	49	2	-	-
2.11.4	Ngôn ngữ Nhật	37	7	28	2	-	-
2.11.5	Văn học	7	-	5	-	2	-
2.12	Khoa học xã hội và hành vi	121	10	101	9	1	-
2.12.1	Kinh tế	44	2	40	2	-	-
2.12.2	Xã hội học	4	4	-	-	-	-
2.12.3	Tâm lý học	20	2	17	1	-	-
2.12.4	Đông phương học	37	2	31	3	1	-
2.12.5	Việt Nam học	2	-	-	2	-	-
2.12.6	Quan hệ quốc tế	14	-	13	1	-	-
2.13	Báo chí và thông tin	100	3	88	8	1	-
2.13.1	Truyền thông đa phương tiện	49	2	41	5	1	-
2.13.2	Quan hệ công chúng	51	1	47	3	-	-
2.14	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	112	12	96	4	-	-
2.14.1	Du lịch	23	1	20	2	-	-
2.14.2	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	38	4	33	1	-	-
2.14.3	Quản trị khách sạn	51	7	43	1	-	-

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm 2024	Năm 2023
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	60	45
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	181	158
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	19.3%	16.1%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Diện tích đất/người học (m ²)	-	-
2	Diện tích sàn/người học (m ²)	3,00	-
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	73,7%	-
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	653,85	-
5	Số bản sách/người học	64,8	-
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	21,29%	-
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	168,6	-

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	66X Điện Biên Phủ, Quận 3, TP. HCM	276	-
2	Cơ sở 2	613 Âu Cơ, Quận Tân Phú, TP. HCM	12.590	14.000
3	Cơ sở 3	624 Âu Cơ, Quận Tân Bình, TP. HCM	1.849	2.500
4	Cơ sở 4	Campus Nguyễn Văn Linh, Huyện Bình Chánh, TP. HCM	47.686	74.436
5	Cơ sở 5	736-738-740-742 Điện Biên Phủ, Quận 10, TP. HCM	315,6	2116,9
6	Cơ sở 6	642 Âu Cơ, Quận Tân Bình, TP. HCM	360	2.200
7	Cơ sở 7	2A2 Quốc lộ 1A, Quận 12, TP. HCM	1.020	5.984
8	Cơ sở 8	8-14 Nguyễn Bá Tuyển, Quận Tân Bình, TP. HCM	555	4.684
9	Cơ sở 9	615 Âu Cơ, Quận Tân Phú, TP. HCM	2.474	4.387
10	Cơ sở 10	86 Hương lộ 2, Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. HCM	3595,4	3595,4
11	Cơ sở 11	Số 502, Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. HCM	2.436,5	790,1
12	Cơ sở 12	Lê Bôi, P7, Q8, TP. HCM	776,7	776,7

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Nâng cấp tòa nhà 615 Âu Cơ	615 Âu Cơ, Quận Tân Phú, TP. HCM	2.150
2	Nâng cấp tòa nhà 8-14 Nguyễn Bá Tuyền	8-14 Nguyễn Bá Tuyền, Quận Tân Bình, TP. HCM	5.550
3	Nâng cấp tòa nhà 2A2 Thạnh Xuân	2A2 Thạnh Xuân, Quận 12, TP. HCM	4.515
4	Đầu tư mới phòng thí nghiệm Kiểm nghiệm, Bào chế thuốc	2A2 Thạnh Xuân, Quận 12, TP. HCM	4.888
5	Đầu tư mới xây dựng phòng thực hành studio	Phòng HEC505 HungHau Campus Nguyễn Văn Linh, Huyện Bình Chánh, TP. HCM	1.348
6	Đầu tư mới xây dựng 10 phòng máy tính	613 Âu Cơ, Quận Tân Phú, TP. HCM	19.090
7	Đầu tư xây mới khu thực hành bếp	Phòng DTH DL01, HungHau Campus Nguyễn Văn Linh, Bình Chánh, TP. HCM	2.750
8	Đầu tư xây dựng 3 phòng thực hành Điện tử - viễn thông	2A2 Thạnh Xuân, Quận 12, TP. HCM	1.159
9	Nâng cấp phòng thí nghiệm Hóa học - hóa dược, Vi sinh - ký sinh	2A2 Thạnh Xuân, Quận 12, TP. HCM	641

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định: Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học.
- Hoàn thành báo cáo tự đánh giá: tháng 3/2025.
- Khảo sát sơ bộ đánh giá ngoài: ngày 21/5/2025.
- Khảo sát chính thức đánh giá ngoài: từ ngày 30/5 – 03/6/2025.
- Ngày 28/6/2025: bảo vệ thành công tại phiên họp 36 Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục – Trung tâm KĐCLGD – ĐHQG Hà Nội.
- Mức độ đạt kiểm định: 4,08; 4,04; 3,84; 3,81.

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7480201	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin	Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng	08/3/2021
2	7810201	Quản trị khách sạn	Quản trị khách sạn	Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng	08/3/2021
3	7340101	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	ASEAN University Network	14/02/2022
4	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	ASEAN University Network	14/02/2022
5	7220201	Ngôn ngữ Anh	Ngôn ngữ Anh	Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng	16/02/2023
6	7310608	Đông phương học	Đông phương học	Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng	16/02/2023
7	7310401	Tâm lý học	Tâm lý học	Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng	16/02/2023
8	7220209	Ngôn ngữ Nhật	Ngôn ngữ Nhật	Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng	08/4/2024
9	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Ngôn ngữ Trung Quốc	Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng	08/4/2024
10	8220121	Văn học Việt Nam	Văn học Việt Nam	Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng	08/4/2024
11	7810101	Du lịch	Du lịch	Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng	10/3/2025
12	7310301	Xã hội học	Xã hội học	Trung tâm KĐCLGD - ĐH Đà Nẵng	10/3/2025

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	57%	-
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	300%	-
3	Tỉ lệ thôi học	8,4%	-
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	0,79%	-
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	36,5%	-
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	11,5%	-
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	91,4%	-

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	88,5%	-
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	72,2%	-
10	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm	98,78%	-

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	Đại học	31.114	10.959	924	99%
1	Lĩnh vực - Nghệ thuật	209	58	3	
	Chính quy	209	58	3	100%
2	Lĩnh vực - Kinh doanh quản lý	10.334	3.711	342	
	Chính quy	10.264	3.699	327	97%
	Liên thông	70	12	15	100%
3	Lĩnh vực - Sản xuất & Chế biến	455	126	-	
	Chính quy	455	126	-	-
4	Lĩnh vực - Khoa học xã hội và hành vi	3.152	831	66	
	Chính quy	3.152	831	66	98%
5	Lĩnh vực - Kiến trúc & xây dựng	29	29	-	
	Chính quy	29	29	-	-
6	Lĩnh vực - Khoa học sự sống	112	27	6	
	Chính quy	112	27	6	100%
7	Lĩnh vực - Công nghệ kỹ thuật	1.871	584	30	
	Chính quy	1.871	584	30	100%
	Liên thông	-	-	-	-
8	Lĩnh vực - Kỹ thuật	330	112	4	
	Chính quy	330	112	4	100%
	Liên thông	-	-	-	-
9	Lĩnh vực - Máy tính & Công nghệ thông tin	2345	906	43	
	Chính quy	2.288	884	36	97%
	Liên thông	57	22	7	100%
10	Lĩnh vực - Sức khỏe	233	137	-	

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
	Chính quy	233	137	-	-
11	Lĩnh vực - Nhân văn	4.176	1.265	220	
	Chính quy	4.120	1.260	199	98%
	Liên thông	56	4	21	100%
	Đào tạo từ xa	-	1	-	-
12	Lĩnh vực - Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	3.271	1.034	210	
	Chính quy	3.247	1030	203	96%
	Liên thông	24	4	7	100%
13	Lĩnh vực - Báo chí và thông tin	3.276	1.590	-	
	Chính quy	3.276	1.590	-	-
14	Lĩnh vực - Pháp luật	1.321	549	-	-
	Chính quy	1.321	549	-	-
	Đào tạo từ xa	-	-	-	-
II	Thạc sĩ (và trình độ tương đương)	220	54	38	-
1	Lĩnh vực 1 - Nhân văn	40	2	8	-
2	Lĩnh vực 2 - Khoa học xã hội và hành vi	28	28	-	-
3	Lĩnh vực 3 - Kinh doanh và quản lý	106	16	15	-
4	Lĩnh vực 4 - Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân	46	8	15	-
III	Tiến sĩ	16	5	-	-
1	Lĩnh vực 1 - Nhân văn	10	3	-	-
2	Lĩnh vực 2 - Kinh doanh và quản lý	6	2	-	-

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỉ trọng thu khoa học - công nghệ	0,03%	-
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0,183%	-
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	0,0336%	-

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
1	Đề tài cấp Nhà nước	-	-
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	-	-
3	Đề tài cấp cơ sở	08	229.022.000
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	-	-
5	Đề tài hợp tác quốc tế	01	187.636.087
Tổng số		09	

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm 2024	Năm 2023
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	229	-
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	42	-
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	2.095	-
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	-	-
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	-	-

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	19,3%	15,89%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	101,31%	103,88%

2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2024	Năm 2023
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	1.101.399.703.359	756.546.379.216
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư	-	-

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2024	Năm 2023
II	Thu giáo dục và đào tạo	1.083.875.155.485	732.724.966.317
1	Học phí, lệ phí từ người học	1.082.581.669.485	732.018.166.317
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	-	-
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	711.700.000	501.800.000
4	Thu khác	581.786.000	205.000.000
III	Thu khoa học và công nghệ	340.204.087	78.200.000
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	-	-
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài	318.136.087	22.600.000
3	Thu khác	22.068.000	55.600.000
IV	Thu khác (thu nhập ròng)	17.184.343.787	23.743.212.899
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	775.819.032.510	659.705.552.013
I	Chi lương, thu nhập	152.628.667.727	113.424.900.552
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	98.604.537.660	65.089.371.755
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	54.024.130.067	48.335.528.797
II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	79.447.581.183	73.275.689.811
1	Chi cho đào tạo	51.363.600.000	55.243.600.000
2	Chi cho nghiên cứu	8.393.077.265	1.254.648.711
3	Chi cho phát triển đội ngũ	720.103.858	216.515.700
4	Chi phí chung và chi khác	18.970.800.060	16.560.925.400
III	Chi hỗ trợ người học	7.367.668.325	19.671.027.340
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	2.744.663.853	1.440.719.532
2	Chi hoạt động nghiên cứu	715.993.140	772.217.778
3	Chi hoạt động khác	3.907.011.332	17.458.090.030

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2024	Năm 2023
IV	Chi khác	536.375.115.275	453.333.934.310
C	CHÊNH LỆCH THU CHI	325.580.670.849	96.840.827.203

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

- Nhà trường đã triển khai các hoạt động thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên, xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ về cơ sở vật chất, tài chính, kiến thức và kỹ năng theo định hướng Quyết định 1665/QĐ-TTg (2017).

- Thực hiện chính sách hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp - đổi mới sáng tạo thông qua tổ chức Ngày hội việc làm, các sự kiện kết nối doanh nghiệp - sinh viên, phù hợp với nội dung của Quyết định 1665/QĐ-TTg và các đề án của Bộ GD&ĐT.

TP. HCM, ngày 29 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Minh Đức

